

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-PT

Ngày 29-12-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về chia
tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Sinh

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam

Bà Thái Thị Phi Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ĐN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ĐN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận HC, thành phố ĐN, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 184/TB-TA ngày 10/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn TK, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Tổ 56, phường HKB, quận LC, thành phố ĐN. Địa chỉ liên lạc: Số 91 Yên Bái, quận HC, thành phố ĐN. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Th – Luật sư, Văn phòng luật sư Hòa Phát thuộc Đoàn luật sư thành phố ĐN. Có mặt

- *Bị đơn*: Bà Đỗ Thị HM, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Số 06 đường Hải Sơn, phường Thanh Bình, quận HC, thành phố ĐN. Có mặt.

Bà Đỗ Thị HM ủy quyền cho bà Phan Thị NT, sinh năm 1985, trú tại K25/9 Lý Thường Kiệt, quận HC, thành phố ĐN tham gia tố tụng về phần tài sản. Bà Tài có mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn TK, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn TK trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị HM tự nguyện kết hôn ngày 19/10/1982 tại Ủy ban nhân dân phường HC 1, quận HC, thành phố ĐN. Quá trình sống chung, cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà M không mấy êm ấm, hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính nết, lối sống mỗi người khác nhau nên thường xảy ra xung khắc, bất hòa, không tìm được tiếng nói chung. Chính vì lẽ đó, nên mỗi người sống mỗi nơi từ năm 2001 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Bản thân ông thường xuyên lui tới chỉ vì thăm con, thăm cháu, chứ cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hôn nhân giữa ông và bà M đã tan vỡ từ lâu, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nữa nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đỗ Thị HM.

Về con chung: Ông và bà M có 02 con chung tên là Nguyễn TQ, sinh ngày 17/4/1983 và Nguyễn HP, sinh ngày 22/12/1986. Hiện nay, các con ông đều có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà M có tài sản chung là nhà đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 161 tại địa chỉ tổ 89 (nay là tổ 56), phường HKB, quận LC, thành phố ĐN; có diện tích 450,3m² trong đó đất ở là 104m² và đất trồng cây lâu năm là 346,3m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 383571, số vào sổ: H07814 do Ủy ban nhân dân quận LC cấp ngày 09/7/2008 đứng tên Nguyễn TK và Đỗ Thị HM. Nguồn gốc đất là do vào năm 2001 ông xin của Hợp tác xã nông nghiệp Hòa Khánh được 100m² đất đồi núi sỏi đá, giáp đơn vị bộ đội. Sau đó ông tự khai phá thêm được 350,3m² nữa nên tổng diện tích là 450,3m². Trên đất, ông xây dựng 01 căn nhà cấp 4 diện tích 104m². Ông ở một mình tại ngôi nhà này, việc xây dựng căn nhà do một mình ông tự lo, vợ ông không hề quan tâm đến.

Quá trình giải quyết vụ án, ông có đơn yêu cầu rút phần chia tài sản chung đối với nhà đất nêu trên với lý do: Nhà đất nằm trong diện quy hoạch của thành phố để mở tuyến đường sắt và đang san ủi để mở trục đường vành đai thành phố về phía tây, chưa biết thành phố sẽ đền bù giải tỏa và áp giá, tái định cư thế nào

nên ông đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân trước, còn về chia tài sản chung ông để lại trong một vụ kiện dân sự khác sau khi Nhà nước đền bù áp giá xong nếu các bên không tự thỏa thuận được.

Do ông rút yêu cầu chia tài sản nên chứng thư thẩm định gia số 147/TĐG-CT ngày 05/7/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính ĐN không còn giá trị. Bà M có yêu cầu chia tài sản nên đề nghị bà M nộp tiền định giá để thành lập Hội đồng định giá, không sử dụng chứng thư do ông yêu cầu.

Bị đơn bà Đỗ Thị HM trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn TK tự nguyện kết hôn ngày 19/10/1982 tại Ủy ban nhân dân phường HC 1, quận HC, thành phố ĐN. Trong cuộc sống vợ chồng, ông K cho rằng do mâu thuẫn tính tình nên không chung sống được là không đúng, vì vợ chồng va chạm, mâu thuẫn cũng là bình thường, bản thân bà thực sự không muốn ly hôn vì nghĩ cho con, cho cháu và danh dự hai bên gia đình, chính ông K là người chủ động gửi đơn ly hôn vì ông có quan hệ với người phụ nữ khác và có con riêng. Nay ông K yêu cầu ly hôn, bà cũng muốn giải thoát nên đồng ý ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà và ông K có 02 con chung tên là Nguyễn TQ, sinh ngày 17/4/1983 và Nguyễn HP, sinh ngày 22/12/1986. Hiện nay, các con đều có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông K có tài sản chung là nhà đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 161 tại địa chỉ tổ 89 (nay là tổ 56), phường HKB, quận LC, thành phố ĐN; có diện tích 450,3m² trong đó đất ở là 104m² và đất trồng cây lâu năm là 346,3m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 383571 do Ủy ban nhân dân quận LC cấp ngày 09/7/2008 đứng tên Nguyễn TK và Đỗ Thị HM. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

Với nội dung nói trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận HC, thành phố ĐN đã xử và quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 29, Điều 33; khoản 2, 3 Điều 59 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 49 của Luật đất đai; khoản 2 Điều 230 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn TK với bà Đỗ Thị HM.

Về con chung: Bà M và ông K có 02 con chung tên là Nguyễn TQ, sinh ngày 17/4/1983 và Nguyễn HP, sinh ngày 22/12/1986. Hiện nay các con đều đã trên 18 tuổi nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Giao cho ông Nguyễn TK sở hữu toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền trên đất tại thửa số 63, tờ bản đồ số 161 tại địa chỉ tổ 89 (nay là tổ 56), phường HKB, quận LC, thành phố ĐN có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 383571, sổ vào sổ H07814 do Ủy ban nhân dân quận LC cấp ngày 09/7/2008.

Ông Nguyễn TK có nghĩa vụ bồi đắp trả cho bà Đỗ Thị HM số tiền chênh lệch 45% giá trị tài sản tương ứng với số tiền 3.019.815.000 đồng.

(Giá trị tài sản được xác định theo Chứng thư thẩm định giá số 147/TGD-CT ngày 05/7/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính ĐN).

Về nợ chung: không có

Về án phí, chi phí thẩm định giá: Ông Nguyễn TK và Đỗ Thị HM được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị HM phải bồi đắp trả lại cho ông K số tiền chi phí thẩm định giá và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 6.750.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, ông Nguyễn TK kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy một phần bản án sơ thẩm về việc buộc ông phải bồi đắp trả lại phần chênh lệch giá trị nhà và đất cho bà Đỗ Thị HM với số tiền là 3.019.815.000 đồng. Ông K đã rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với nhà đất thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 161, diện tích 450,3 m² tại tổ 56, phường HKB, quận LC, thành phố ĐN nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ra quyết định đình chỉ giải quyết phần chia tài sản chung mà vẫn tiếp tục giải quyết và sử dụng kết quả định giá trong khi ông đã rút yêu cầu về chia tài sản chung là trái quy định của pháp luật. Đất tại tổ 56 HKB, quận LC do ông tự bỏ tiền ra mua, ban đầu chỉ có 100m² nhưng sau đó ông tự khai hoang thêm 350m² nữa, nhà do ông tự xây dựng nên, bà M hoàn toàn không biết và không có đóng góp nhưng Tòa án sơ thẩm chia cho bà M 45% giá trị là hoàn toàn không có cơ sở.

Ngoài ra, còn một tài sản khác như: số tiền 120.000.000 đồng bà Đỗ Thị HM hiện đang giữ; 01 chiếc xe máy cuptum bà M mua 05 lạng vàng đứng tên ông K hiện nay bà M đang quản lý sử dụng; 01 chiếc xe máy chaly ông K mua, bà M đã cho em gái bà sử dụng; số cổ phần và lợi tức tại Công ty CP phát triển đô thị và khu công nghiệp Quảng Nam ĐN bà M mua, được phân chia từ trước đến nay, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết phân chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo, nguyên đơn ông Nguyễn TK cho rằng đất tại tổ 56 HKB, quận LC do ông tự bỏ tiền ra mua của Hợp tác xã nông nghiệp Hòa Khánh, ban đầu chỉ có 10 m² nhưng sau đó ông tự khai phá, bồi đắp, mở rộng thêm 350m² nữa, nhà do ông tự bỏ tiền ra xây dựng, bà M hoàn toàn không biết và không có đóng góp nhưng Tòa án sơ thẩm chia cho bà M 45% giá trị là hoàn toàn không có cơ sở. Ông yêu cầu hủy bản án sơ thẩm phân chia tài sản chung về việc buộc ông phải có nghĩa vụ bồi trả lại phần chênh lệch giá trị nhà và đất cho bà Đỗ Thị HM với số tiền là 3.012.815.000 đồng, giao hồ sơ vụ án về Tòa án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận HC.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn TK có đơn kháng cáo đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn TK trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ĐN theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn TK về phân chia tài sản chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Bản án hôn nhân gia

đình sơ thẩm số 45/2021/HNGĐ-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân quận HC đã quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn TK và bà Đỗ Thị HM. Sau khi xử sơ thẩm, ông K, bà M không kháng cáo về phần này mà chỉ ông K kháng cáo về phần chia tài sản chung.

Về tài sản chung của ông Nguyễn TK và bà Đỗ Thị HM gồm có quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là căn nhà cấp 4, thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 161, diện tích 450,3 m² tại tổ 56, phường HKB, quận LC, thành phố ĐN; trong đó đất ở là 104m² và đất trồng cây lâu năm là 346,3m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 383571, sổ vào sổ H07814 do Ủy ban nhân dân quận LC cấp ngày 09/7/2008 đứng tên Nguyễn TK và Đỗ Thị HM.

Xét nguồn gốc hình thành tài sản trên là tại thời điểm năm 2001 ông K, bà M làm đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở với diện tích là 100 m². Quá trình sử dụng đất, ông K khai hoang mở rộng thêm được 346,3 m² đất trồng cây lâu năm.

Án sơ thẩm xác định nhà và đất tại thửa số 63, tờ bản đồ số 161, diện tích 450,3 m² tại tổ 56, phường HKB, quận LC, thành phố ĐN là tài sản chung của ông Nguyễn TK và bà Đỗ Thị HM trong thời kỳ hôn nhân là hoàn toàn đúng pháp luật và căn cứ vào nguồn gốc hình thành tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất 63, tờ bản đồ số 161 có công sức đóng góp của ông K nhiều hơn, phân chia cho ông K 55% giá trị tài sản tương ứng số tiền 3.690.885.000 đồng, bà Đỗ Thị HM 45% giá trị tài sản tương ứng số tiền 3.019.815.000 đồng và giao cho ông Nguyễn TK quản lý, sử dụng, sở hữu nhà và đất, thời trả phần giá trị cho bà Đỗ Thị HM là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn TK, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ông Nguyễn TK là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đưa Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh tại quận LC, thành phố ĐN tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn TK, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận HC. Tuyên xử:

[1]. Về phân chia tài sản chung:

1.1. Giao cho ông Nguyễn TK sở hữu toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền trên đất tại thửa số 63, tờ bản đồ số 161 tại địa chỉ tổ 89 (nay là tổ 56), phường HKB, quận LC, thành phố ĐN; có diện tích 450,3m², trong đó đất ở là 104 m², đất trồng cây lâu năm là 346,3m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 383571, số vào sổ H07814 do Ủy ban nhân dân quận LC cấp ngày 09/7/2008 đứng tên ông Nguyễn TK và bà Đỗ Thị HM. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 6.710.700.000 đồng.

1.2. Ông Nguyễn TK có nghĩa vụ thôi trả cho bà Đỗ Thị HM số tiền chênh lệch 45% giá trị tài sản tương ứng với số tiền 3.019.815.000 đồng (ba tỷ, không trăm mười chín triệu, tám trăm mười lăm ngàn đồng).

1.3. Ông Nguyễn TK có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2]. Về án phí, chi phí tố tụng:

2.1. Ông Nguyễn TK và bà Đỗ Thị HM được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Đỗ Thị HM phải thôi trả lại cho ông Nguyễn TK số tiền chi phí thẩm định giá và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 6.750.000 đồng.

2.3. Ông Nguyễn TK được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân quận HC;
- Viện kiểm sát nhân dân quận HC;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận HC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tự Sinh

